

Số: **332**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 3) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỎA TỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1336-TB/TU ngày 29/4/2020;

Căn cứ Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1199/STC-NS ngày 15/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 3) trên địa bàn tỉnh, như sau:

11. Tổng kinh phí hỗ trợ là 25.619,5 triệu đồng, trong đó:

a) Người có công và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp: 9.958,5 triệu đồng.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng chăm sóc tại cộng đồng: 7.537,5 triệu đồng.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo: 8.123,5 triệu đồng.

(Chi tiết đối tượng và kinh phí hỗ trợ như các Quyết định của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: số 91/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/5/2020;

số 96/QĐ-SLĐTBXH, số 97/QĐ-SLĐTBXH, số 98/QĐ-SLĐTBXH, số 100/QĐ-SLĐTBXH ngày 14/5/2020; số 102/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/5/2020). Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chuẩn xác về số đối tượng theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 là 807,5 triệu đồng.

b) Nguồn dự phòng ngân sách các huyện, thị xã năm 2020 là 10.563,5 triệu đồng.

c) Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2020 là 8.326,75 triệu đồng.

d) Nguồn cải cách tiền lương của thành phố Quảng Ngãi năm 2020 là 5.921,75 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí bổ sung cho các huyện, thị xã tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện; thường xuyên theo dõi và báo cáo UBND tỉnh.

b) Chưa thực hiện chi trả cho các đối tượng vướng mắc theo Công văn số 1036/SLĐTBXH-VP ngày 23/4/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã được phê duyệt cho đến khi có văn bản trả lời của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xác định các đối tượng vướng mắc nêu trên và thông báo cho huyện, thị xã, thành phố.

3. UBND các huyện: Sơn Tịnh, Minh Long, Sơn Hà, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi:

a) Sử dụng dự phòng ngân sách huyện, thị xã năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương của thành phố năm 2020 theo quy định tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

b) Theo dõi, chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tránh trùng lặp đối tượng theo quy định tại Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã chưa thực hiện chi trả các đối tượng vướng mắc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

d) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán theo quy định; báo cáo kết quả thực hiện *(có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch)* gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Tịnh, Minh Long, Sơn Hà, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), TH, KT, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc235}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

Hồ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (đợt 3)

Kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh

DVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Người có công và nhân nhân hưởng trợ cấp hàng tháng		Đổi tương bào trợ xã hội hàng tháng trợ cấp tại chăm sóc tại cộng đồng		Hộ nghèo, hộ cận nghèo		Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ	Bố trí kinh phí từ các nguồn				Ghi chú
		Đổi tương (người)	Kinh phí	Đổi tương (người)	Kinh phí	Đổi tương (người)	Kinh phí		Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020	Dự phòng ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2020	Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2020	Nguồn cải cách tiền lương của huyện, thị xã, thành phố năm 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)+(6)+(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Thành phố Quảng Ngãi					7.897	5.921,75	5.921,75				5.921,75	
2	Huyện Sơn Tịnh			5.036	7.537,50		7.537,50	7.537,50			7.537,50		
3	Huyện Minh Long	422	631,5			2.936	2.201,75	2.833,25		2.044,00	789,25		
4	Huyện Sơn Hà	1.710	2.561,0				2.561,00	2.561,00		2.561,00	0,00		
5	Thị xã Đức Phổ	4.517	6.766,0				6.766,00	6.766,00	807,50	5.958,50	0,00		
TỔNG CỘNG		6.649	9.958,50	5.036	7.537,50	10.833	8.123,50	25.619,50	807,50	10.563,50	8.326,75	5.921,75	